

ỦY BAN DÂN TỘC

**NHÓM LÀM VIỆC
VỀ DÂN TỘC THIỂU SỐ**

Báo cáo Hội thảo

**Chia sẻ kinh nghiệm thực tiễn về nâng cao
năng lực trong xây dựng kế hoạch phát
triển kinh tế xã hội có sự tham gia của cộng
đồng**



Ninh Thuận, 02/2009

Mục lục

| | |
|---|-----------|
| Các cụm từ viết tắt | 3 |
| Tóm tắt tổng quan | 4 |
| 1. Sự tham gia của cấp cơ sở và phân quyền trong Chương trình 135 | 5 |
| 2. Mối liên hệ giữa nâng cao năng lực và sự tham gia ở cấp cơ sở | 7 |
| 3. Sự tham gia – một số kiến thức nền | 8 |
| 4. Chia sẻ giữa BDT và các TCPCP về “Sự tham gia” | 9 |
| 5. Kinh nghiệm thực tiễn của các TCPCP về huy động sự tham gia ở cấp cơ sở | 11 |
| Điển hình 1: Sử dụng Câu lạc bộ phát triển cộng đồng làm nền tảng lập KH | 11 |
| Điển hình 2: Huy động sự tham gia thông qua tổ nhóm nông dân | 13 |
| Điển hình 3: Xóa nghèo do cộng đồng quản lý tại tỉnh Khánh Hòa | 16 |
| 6. Kết luận và kiến nghị | 18 |
| 7. Phụ lục | 20 |
| Danh sách đại biểu | 20 |
| Kế hoạch hợp tác giữa Ban dân tộc tỉnh với các Tổ chức Phi chính phủ | 23 |

Các cụm từ viết tắt

| | |
|----------|---|
| AAV | ActionAid Việt Nam |
| BDT | Ban dân tộc tỉnh |
| BQL | Ban quản lý |
| CLBPTCĐ | Câu lạc bộ Phát triển cộng đồng |
| CT135 | Chương trình 135 |
| DTTS | Dân tộc thiểu số |
| EMWG | Nhóm làm việc về Dân tộc thiểu số |
| KH | Kế hoạch |
| KHPTKTXH | Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội |
| KTXH | Kinh tế - Xã hội |
| GRET | Hội Đoàn kết và Hợp tác quốc tế |
| NCNL | Nâng cao năng lực |
| OGB | Oxfam Anh |
| SNV | Tổ chức Phát triển Hà Lan |
| TCPCP | Tổ chức Phi chính phủ |
| TTHTCĐ | Trung tâm học tập cộng đồng |
| UBND | Ủy ban Dân tộc |
| VNĐ | Việt Nam Đồng |
| VUFO | Hội liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam |

Tóm tắt tổng quan

Tháng 2/2009, Nhóm làm việc về Dân tộc Thiểu số (EMWG) thuộc Trung tâm Dữ liệu các tổ chức Phi chính phủ (VUFO – NGO RC) kết hợp với Ủy ban Dân tộc (UBDT) tổ chức hội thảo ‘Chia sẻ kinh nghiệm thực tế về nâng cao năng lực trong lập Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội (KHPTKTXH) có sự tham gia của cộng đồng’. Hội thảo có mục đích chia sẻ những kinh nghiệm thực tiễn của các Tổ chức Phi chính phủ (TCPCP) về:

- Huy động và phát huy sự tham gia của cấp cơ sở trong lập KH phát triển kinh tế - xã hội;
- Các phương pháp và mô hình nhằm nâng cao năng lực cộng đồng trong việc lập KHPTKTXH tại cấp cơ sở, và;
- Thúc đẩy sự tham gia của cộng đồng trong việc theo dõi, giám sát và đánh giá các KHPTKTXH tại cấp cơ sở.

Hội thảo bắt đầu với phần đánh giá của đại diện UBDT về sự tham gia của cộng đồng trong Chương trình 135. Nội dung đánh giá chỉ ra rằng các nguyên tắc về tham gia của cấp cơ sở đã được lồng ghép vào Chương trình 135 và đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận, đặc biệt trong giai đoạn hai của chương trình. Tuy nhiên chất lượng của sự tham gia và phân quyền vẫn còn một số điểm hạn chế.

Tại hội thảo, UBDT đã đặt vấn đề làm thế nào để xây dựng năng lực cho cộng đồng tại cơ sở để họ có thể tham gia hiệu quả vào các chương trình hỗ trợ của Chính phủ cũng như trong các quy trình lập kế hoạch. Các đại biểu tham dự hội thảo đã thảo luận kỹ lưỡng và nhận thấy: Để huy động và cải thiện được chất lượng của sự tham gia của cộng đồng cấp cơ sở trong các chương trình phát triển kinh tế - xã hội (CTPTKT-XH) của Chính phủ nói chung và trong chương trình 135 nói riêng, cần phải chú trọng xây dựng năng lực cho tất cả các bên liên quan, bao gồm: lãnh đạo, các cán bộ làm công tác lập kế hoạch và người dân chứ không chỉ giới hạn ở việc xây dựng năng lực cho người dân. .

Nhằm giúp các đại biểu có kiến thức tốt hơn về sự tham gia, một số vấn đề mang tính lý thuyết cũng như thực tiễn về vấn đề này đã được trình bày và đưa ra thảo luận, chia sẻ trong hội thảo. Sau đó, các đại biểu được chia thành các nhóm để thảo luận sâu về tầm quan trọng, các trở ngại và các kỹ thuật để huy động sự tham gia tại cấp cơ sở. Qua thảo luận nhóm giữa các TCPCP và Ban Dân Tộc (BDT) các tỉnh cũng cho thấy sự hiểu biết lẫn nhau và hợp tác giữa BDT với các TCPCP và ngược lại vẫn còn nhiều hạn chế. .

Tại hội thảo, các TCPCP đã chia sẻ nhiều kinh nghiệm về huy động sự tham gia của cấp cơ sở. Ba ví dụ đã được chọn trình bày trong báo cáo này. Ví dụ thứ nhất liên quan đến việc sử dụng các Câu lạc bộ phát triển cộng đồng làm nền tảng cho việc lập KH, ví dụ thứ hai là về việc sử dụng các tổ nhóm nông dân để dẫn dắt việc lập KH và ví dụ thứ ba liên quan đến việc sử dụng các loại hình KH khác nhau để huy động sự tham gia. Mặc dù các ví dụ rất phong phú, nhưng không có nghĩa đây là các giải pháp tốt nhất cho việc huy động sự tham gia và lập KH. Các nội dung chia sẻ chỉ đơn giản là cơ hội để trình bày các kinh nghiệm sẵn có của các TCPCP, dựa trên đó những người tham dự có thể lựa chọn phần một hoặc một số ví dụ để xem xét áp dụng sau này.

Hội thảo kết thúc với nội dung xây dựng kế hoạch hành động chung giữa các TCPCP và BDT tỉnh có mặt và đưa ra các kiến nghị về tăng cường hợp tác và tạo các kênh chia sẻ thông tin, kinh nghiệm giữa các TCPCP - do Nhóm làm việc về Dân tộc thiểu số đại diện - và Ủy Ban Dân Tộc, Ban Dân Tộc các tỉnh có mặt trong hội thảo cho thời gian tới.

Giới thiệu

Tầm quan trọng của sự tham gia của cấp cơ sở đã được Chính phủ Việt Nam ghi nhận chính thức với việc ban hành Nghị định số 29/NĐ-CP ngày 15/05/1998, tiếp theo là Nghị định số 79 và các văn bản chính sách quan trọng khác. Đảm bảo sự tham gia ở cấp cơ sở từ đó đã được lồng ghép vào tất cả các chương trình của Chính phủ nói chung, lập KH (KH) Phát triển Kinh tế Xã hội (PTKTXH) và Chương trình quốc gia hỗ trợ phát triển KTXH của các khu vực miền núi và dân tộc thiểu số đang gặp khó khăn (CT135) nói riêng.

Trong những năm gần đây, mặc dù chính phủ và các tổ chức quốc tế đã có nhiều nỗ lực và quyết tâm, tuy nhiên tỷ lệ nghèo của dân tộc thiểu số vẫn ở mức cao. Để giải quyết vấn đề này phải cần đến các nỗ lực hơn nữa của các bên liên quan và ở các cấp khác nhau. Nhóm làm việc về Dân tộc thiểu số (EMWG) bao gồm các TCPCP, các tổ chức quốc tế khác và các cá nhân những người chia sẻ mối quan tâm về vấn đề nghèo đói và phát triển của các dân tộc thiểu số (DTTS) nhằm trao đổi các ý tưởng, bài học về chính sách phát triển và các thực hành tốt phục vụ lợi ích của đồng bào DTTS. EMWG hoạt động trong khuôn khổ của Trung tâm Dữ liệu Phi chính phủ – Hội Liên hiệp các Tổ chức Hữu nghị Việt Nam, theo chính sách của Chính phủ Việt nam về vấn đề DTTS. EMWG được điều hành bởi một nhóm nòng cốt, gồm đại diện của một số TCPCP quốc tế và trong nước.

Thành viên của EMWG bao gồm khoảng 55 TCPCP, các tổ chức thuộc Liên hiệp quốc và các nhà tài trợ song phương. Trong số đó, đa số là các TCPCP (cả trong nước và quốc tế) những tổ chức đã có kinh nghiệm công tác tích lũy về hoạt động tại cấp cơ sở trong vài thập kỷ tại Việt Nam. Họ cũng đã đầu tư một nguồn lực to lớn để nâng cao năng lực và tạo một môi trường thuận lợi cho sự tham gia của cộng đồng trong tất cả các khía cạnh của đời sống. Việc các TCPCP và các cơ quan chính phủ cùng cộng tác với nhau là cơ hội tuyệt vời cho các bên chia sẻ những thách thức gặp phải và các kinh nghiệm phù hợp để khắc phục thách thức.

Với cơ sở đó, vào 2/2009, EMWG đã phối hợp với Ủy ban Dân tộc (UBDT) tổ chức cuộc hội thảo Chia sẻ kinh nghiệm thực tế về nâng cao năng lực trong lập Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội với mục tiêu chia sẻ các kinh nghiệm thực tiễn của các tổ TCPCP với UBDT, các bộ, ngành liên quan và Ban dân tộc (BDT) các tỉnh về:

- Huy động và phát huy sự tham gia của cấp cơ sở trong lập KH phát triển kinh tế - xã hội;
- Các phương pháp và mô hình nhằm nâng cao năng lực cộng đồng trong việc lập KHPTKTXH tại cấp cơ sở, và;
- Thúc đẩy sự tham gia của cộng đồng trong việc theo dõi, giám sát và đánh giá các KHPTKTXH tại cấp cơ sở.

Bên cạnh việc chia sẻ, hội thảo cũng hy vọng sẽ xây dựng được kế hoạch hành động kết hợp giữa các TCPCP, UBDT và BDT. Kỳ yếu hội thảo sẽ được tổng hợp và chia sẻ với các bên liên quan.

Hội thảo do Tiến sỹ Ngô Huy Liêm là một tư vấn độc lập được mời để điều phối và hướng dẫn thảo luận trong hội thảo.

1. Sự tham gia của cấp cơ sở và phân quyền trong Chương trình 135

Mở đầu hội thảo, đại diện của UBND¹ đã thay mặt Ủy ban trình bày kết quả đánh giá về thực tế sự tham gia của cộng đồng và vấn đề phân quyền trong CT135. Dưới đây là tóm tắt nội dung trình bày:

Đảng và Nhà nước Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam rất kiên định với vấn đề dân chủ ở cấp cơ sở. Điều này được thể hiện rõ ràng thông qua việc ban hành hàng loạt các văn bản chính sách quan trọng như Nghị quyết số 3 và số 4 của Hội nghị Trung ương Đảng (1997); Chỉ thị của Bộ Chính trị (1998); Nghị định 29 (1998); Nghị định 79 (2003); Quyết định 80 của Thủ tướng Chính phủ (2005).

Là cơ quan chủ quản CT135, UBND đã có rất nhiều nỗ lực để đảm bảo các nguyên tắc về dân chủ cơ sở được chuyển tải vào chương trình. Ví dụ, huy động sự tham gia của cộng đồng trong việc lựa chọn địa điểm, quyết định quy mô, xác định ưu tiên và người nghèo hưởng lợi; hoặc giám sát các dự án cơ sở hạ tầng và kết quả của CT135 tại cấp cơ sở. Công tác quản lý của một số dự án CT135 đã được phân cấp tới chính quyền cấp xã. Một số dự án được thực hiện tại cấp thôn bản với sự tham gia của cộng đồng. Theo kết quả đánh giá của Kiểm toán Nhà nước năm 2001: nhìn chung, việc lựa chọn đối tượng hưởng lợi và quy mô đầu tư tuân thủ quy định về công khai và dân chủ, phần lớn mọi người ở cấp xã được hỏi cho ý kiến về lập KH dự án từ quy mô cho đến ưu tiên².

Tương tự, theo kết quả của một cuộc khảo sát khác do Trung tâm Thông tin Văn phòng Quốc hội thực hiện, 80% số người được hỏi đồng ý rằng CT135 đã đảm bảo tính minh bạch và công khai. Tuy nhiên, theo đánh giá của UBND, sự tham gia tại cấp xã trong giai đoạn một của chương trình còn hạn chế. Trong nhiều trường hợp người dân chỉ tham gia gián tiếp vào chương trình. Cộng đồng, không được tham gia trong một số giai đoạn của chương trình và chỉ có 18% số xã được phân cấp làm chủ đầu tư trong giai đoạn một.

Tình hình đã được cải thiện trong giai đoạn hai, ví dụ: các KH thường niên và ưu tiên đầu tư đã được lấy ý kiến từ cấp thôn bản. Các góp ý của cộng đồng phải được đưa vào kế hoạch và trình cho Hội đồng nhân dân xã phê duyệt trước khi gửi cho UBND huyện. Đối với các dự án phát triển sản xuất, ban quản lý hoặc Ban kỹ thuật tại cấp huyện phải hợp tác với Trưởng thôn/bản để lấy ý kiến người dân. Nội dung dự án, đối tượng hưởng lợi và quy mô ngân sách cần được công khai với cộng đồng khi tham vấn.

Cũng theo đánh giá của UBND, chất lượng tham gia CT135 giai đoạn hai vẫn tiếp tục còn hạn chế do thiếu thông tin. Khảo sát của dự án VIE02/001 vào 10/2007 kết luận: chỉ có 27% người dân dự họp có phát biểu ý kiến. Vẫn có nhiều yếu tố cản trở sự tham gia ở cấp cơ sở. Ngôn ngữ của người DTTS và cán bộ cấp cơ sở là một yếu tố. Người dân, đặc biệt là người DTTS không sử dụng được tiếng Kinh, trong khi đó cán bộ địa phương lại không có khả năng sử dụng tiếng của người DTTS, họ cũng thiếu các kỹ năng để tiếp cận hiệu quả cộng đồng khi khả năng ngôn ngữ hạn chế.

Chính quyền cấp thôn được thông báo nhưng không đầy đủ về ngân sách chương trình. Tham gia giám sát chương trình mới chủ yếu dừng lại ở hình thức đại diện mà người tham gia chủ yếu là đại diện của chính quyền xã và các tổ chức quần chúng chứ không phải là những người dân bình thường. Chương trình cũng hy vọng sẽ mang lại thu nhập cho người lao động địa phương bằng việc hợp đồng họ trực tiếp vào các hoạt động dự án, trên thực tế phần lớn trong số họ phải làm việc thông qua các nhà thầu phụ. Các thủ tục như đấu thầu và mua sắm chưa được minh bạch.

¹ Ông Triệu Hồng Sơn, Quyền Vụ Trưởng, Vụ Địa phương, UBND

² Thông báo của Kiểm toán Nhà nước số 07/TB-KTNN ngày 08/01/2002

Quá trình phân cấp trao quyền được bắt đầu trong giai đoạn một. Vào năm 2000 UBND đã tổ chức một cuộc hội thảo tại tỉnh Tuyên Quang để chia sẻ kinh nghiệm về phân cấp trao quyền, tuy nhiên kết quả phân quyền của chương trình vẫn hạn chế, chỉ có 18% chính quyền cấp xã được phân cấp làm chủ đầu tư. Trong giai đoạn này, việc áp dụng Nghị định 52CP của Chính phủ về phân cấp từ tỉnh đến huyện (về phê duyệt báo cáo kỹ thuật, chọn nhà thầu...) cũng rất hạn chế, trong phần lớn các trường hợp việc này do chính quyền cấp tỉnh quyết định với tư vấn của các ban ngành kỹ thuật, không phải cấp huyện.

Có một số lý do dẫn đến việc phân quyền còn chậm: thứ nhất, là do khung pháp lý còn phức tạp; thứ hai, cơ chế vận hành chương trình vẫn chủ yếu ở là khuyến khích và huy động, quy định này cũng chưa rõ ràng và không mang tính bắt buộc; thứ ba, việc tập huấn cho các cán bộ chưa được chú ý đúng mức mặc dù năng lực của họ còn hạn chế; thứ tư, chương trình được thực hiện trên địa bàn rộng và phức tạp; thứ năm, thủ tục hành chính trong tất cả các khâu đặc biệt là phân bổ ngân sách, phê duyệt chuẩn bị đầu tư rắc rối và khó thực hiện.

Trong giai đoạn hai, UBND và các bộ, ngành liên quan đã tổ chức tham vấn rộng rãi với các nhà tài trợ và các tổ chức quốc tế về vấn đề phân quyền và trao quyền. Việc ban hành thông tư liên tịch số 676 và 01 đã thể hiện sự tiếp thu các ý kiến đóng góp đó. Chính phủ Việt Nam và bảy nhà tài trợ cho CT135 đã cam kết thúc đẩy quá trình phân quyền theo lịch trình như sau: đến 2007: 35%; 2008: 60%; 2009: 90% và; 2010: 100% chính quyền cấp xã được phân cấp làm chủ đầu tư. Cơ chế quản lý CT135 đã được làm rõ hơn. Tất cả các dự án CT135 hiện nay đã do chính quyền cấp huyện quản lý. Các dự án quy mô nhỏ (dưới 300 triệu VNĐ) do chính quyền cấp xã quản lý.

Theo kết quả cuộc đánh giá gần đây, từ 2006-2008 phần lớn các tỉnh thuộc chương trình 135 đã phân cấp quản lý tới cấp huyện trừ một số nơi như tỉnh Hòa Bình, mới chỉ phân quyền các dự án dưới 500 triệu đồng. Từ đầu năm 2009, theo tinh thần thông tư số 01, danh mục đầu tư và phân cấp chủ đầu tư cho cấp xã hoàn toàn do cấp huyện quyết định, cấp tỉnh chỉ giao ngân sách theo Luật ngân sách. Đánh giá liên bộ và của các nhà tài trợ vào năm 2007 khẳng định 36% chính quyền cấp xã được phân cấp làm chủ đầu tư; và vào năm 2008 tỷ lệ này là 55%.

Rõ ràng là Chính phủ Việt Nam nói chung, UBND nói riêng nhận thức đầy đủ việc thúc đẩy sự tham gia của cấp cơ sở và phân cấp quản lý là biện pháp hiệu quả để thực hiện thành công CT135. Trong thập kỷ vừa qua, UBND đã đưa ra hàng loạt các thay đổi về chính sách, thể chế và thực tiễn để cải thiện chất lượng chương trình. Kết quả đánh giá chỉ ra rằng quá trình phân cấp đã đạt được những kết quả rõ nét trong việc bàn giao quyền lực quản lý cho chính quyền cấp xã. Tuy nhiên, mặt khác, chất lượng sự tham gia ở cấp cơ sở, vẫn còn hạn chế.

2. Mối liên hệ giữa nâng cao năng lực và sự tham gia ở cấp cơ sở

Trong quá trình thiết kế và tổ chức hội thảo này, UBND đã đặt câu hỏi về năng lực, làm thế nào để nâng cao năng lực cho cộng đồng để họ có thể tham gia hiệu quả vào quá trình lập KH. Vậy nâng cao năng lực nghĩa là gì và đặc biệt nó có ý nghĩa gì trong bối cảnh lập KH và CT135?

Nâng cao năng lực là một thuật ngữ phát triển thông dụng, thuật ngữ này trở nên vô cùng phổ biến vào nửa sau của những năm 90. Cho đến nay có rất nhiều định nghĩa đã được đặt ra xung quanh thuật ngữ này. Theo Chương trình Phát triển Liên hợp quốc, nâng cao năng lực là một quá trình mà thông qua đó cá nhân, tổ chức và các xã hội đạt, củng cố và duy trì các khả năng để đạt và đạt được mục tiêu phát triển của chính họ theo thời gian. Tổ chức Phát triển Quốc tế Canada (CIDA) định nghĩa nâng cao năng lực là các hoạt động, các cách tiếp cận, chiến lược

và phương pháp luận để giúp các tổ chức, nhóm và cá nhân cải thiện khả năng thực hiện, tạo ra các lợi ích phát triển và đạt mục tiêu. Tổ chức Hợp tác Kỹ thuật Đức (GTZ) thì cho rằng nâng cao năng lực là một quá trình củng cố khả năng của cá nhân, tổ chức và xã hội để có thể sử dụng hiệu quả các nguồn lực, nhằm đạt mục tiêu trên cơ sở bền vững. Tổ chức Phát triển Hà Lan (SNV) định nghĩa nâng cao năng lực là sự tăng lên về sức mạnh để thực thi. Nâng cao năng lực thành công khi mà có các thay đổi diễn ra.

Trong thực tế sử dụng, thuật ngữ “nâng cao năng lực” thường bị nhầm lẫn với “tập huấn” tuy nhiên sự phong phú của các định nghĩa trên chứng tỏ nội dung của khái niệm này rộng hơn và phức tạp hơn rất nhiều so với khái niệm tập huấn. Một số điểm chung rút ra từ những định nghĩa này:

- Nâng cao năng lực là một quá trình của sự thay đổi, do vậy nói đến nâng cao năng lực là nói đến việc quản lý sự thay đổi. Khả năng của con người, thể chế và xã hội luôn thay đổi theo thời gian, do đó các can thiệp để góp phần nâng cao năng lực cần được tiến hành một cách liên tục và có hệ thống.
- Nâng cao năng lực diễn ra ở ba cấp độ: cá nhân, tổ chức và xã hội. Ba cấp độ này liên hệ chặt chẽ với nhau nhưng cũng rất độc lập. Đầu tư vào nâng cao năng lực cần được thiết kế và tính đến ảnh hưởng của nó tới các cấp độ này.
- Nói đến NCNL là nói đến vấn đề ai, khi nào và ở đâu đối với các vấn đề như ra quyết định, thực hiện quản lý, phân phối dịch vụ, giám sát và đánh giá kết quả. Về cơ bản đó là một quá trình mà, - mặc dù nhận được sự hỗ trợ và điều phối từ cộng đồng quốc tế, - nó phải do những người trong cuộc làm chủ và dẫn dắt.

Trong khuôn khổ của cuộc hội thảo này, các đại biểu đã cùng nhau xác định cụ thể vấn đề nào liên quan đến NCNL mà họ muốn được nghe, được chia sẻ, thảo luận và những nội dung bổ ích cho công việc của họ. Sau hàng loạt các thảo luận, vấn đề được thảo luận và nhắc đến rất nhiều trong hội thảo là làm thế nào để NCNL cho các bên liên quan, đặc biệt cộng đồng và cán bộ địa phương ở cấp cơ sở để giúp họ tham gia hiệu quả vào quá trình lập KH. Mặc dù ban đầu UBND cho rằng trọng tâm của hội thảo nên hướng vào việc làm thế nào để nâng cao năng lực cho cộng đồng, kết quả thảo luận tại hội thảo cho rằng để phát huy sự tham gia tích cực của cộng đồng, NCNL cho các bên liên quan như những cán bộ kế hoạch, cán bộ xã và huyện cũng không kém phần quan trọng so với NCNL cho cộng đồng. Khi năng lực của các bên liên quan được cải thiện, họ sẽ có thể huy động được sự tham gia trong chương trình.

3. Sự tham gia – một số kiến thức nền

Nhằm giúp các tham dự viên có cơ hội hiểu tốt hơn và có cái nhìn cận cảnh hơn về sự tham gia, một số khía cạnh lý thuyết và thực tiễn xung quanh khái niệm “sự tham gia”, tầm quan trọng của sự tham gia, các mức độ, những trở ngại cũng như làm cách nào để khuyến khích sự tham gia đã được trình bày và một cách có hệ thống trong hội thảo.

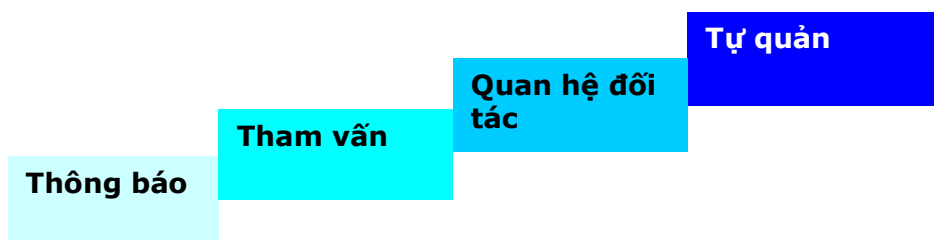
Cụm từ “sự tham gia” xuất hiện trong lĩnh vực phát triển từ giữa những năm 80 và khoảng từ giữa những năm 90 hầu như không có chương trình hay dự án nào mà không khẳng định có yếu tố “sự tham gia” ở một khía cạnh nào đó. Vậy tại sao sự tham gia của cấp cơ sở lại quan trọng như vậy?

Đảm bảo sự tham gia ở cấp cơ sở là một bước quan trọng trong quá trình lập KH có sự tham gia vì:

- Sự tham gia giúp người làm kế hoạch/lãnh đạo hiểu rõ tâm tư, nguyện vọng và xác định được những nhu cầu ưu tiên của người dân;

- giúp đảm bảo tính bền vững, phù hợp với bối cảnh địa phương đồng thời đảm bảo các nhóm yếu thế (phụ nữ, trẻ em và người dân tộc thiểu số được hưởng lợi từ quá trình và các hoạt động phát triển;
- giúp tận dụng các nguồn lực sẵn có tại địa phương, phát huy tính sáng tạo, xây dựng sự tự tin cho cộng đồng;
- giúp tăng cường khả năng giám sát của người dân và giảm thiểu những tiêu cực trong xây dựng và thực hiện các hoạt động phát triển;
- Sự tham gia là một cách thức hiệu quả để xây dựng năng lực cho người dân và các bên liên quan tham gia lập kế hoạch.

Mức độ của sự tham gia:



Trở ngại trong việc xây dựng và thực hiện KH PTKTXH

- Thiếu cán bộ chuyên môn về lập kế hoạch và năng lực để làm việc với cộng đồng ;
- Chưa có một cơ chế mang tính bắt buộc về đảm bảo sự tham gia của cộng đồng trong các KH PTKT-XH. Trong khi đó cơ chế lập kế hoạch từ trên xuống hiện nay vẫn là chủ đạo;
- Trở ngại về trình độ dân trí và các yếu tố về giới, dân tộc;
- Thiếu sự nhất quán và đồng bộ giữa khâu lập và thực hiện kế hoạch,
- Phân bổ nguồn lực thường được thực hiện từ trên xuống.

Làm thế nào để khuyến khích được sự tham gia của cộng đồng?

- Xây dựng năng lực chuyên môn, nâng cao nhận thức về phát triển cộng đồng và các phương pháp, kỹ năng, công cụ cần thiết khi làm việc với cộng đồng cho các cán bộ làm công tác lập kế hoạch;
- Tạo ra môi trường và thể chế để khuyến khích và huy động sự tham gia và đối thoại với người dân, giúp cho người dân tự tin và cởi mở khi trình bày về các ý tưởng và quan điểm của mình;
- Đảm bảo tính đồng bộ, lồng ghép, tổng thể và dài hạn trong lập, thực hiện và giám sát KH;
- Nên xây dựng một quy trình lập kế hoạch có sự tham gia để thử nghiệm, hoàn thiện và áp dụng rộng rãi
- Xây dựng các năng lực chuyên môn cụ thể cho người dân để người dân có thể tham gia

4. Chia sẻ giữa BDT và các TCPCP về “Sự tham gia”

Tham dự viên được chia thành ba nhóm, mỗi nhóm bao gồm đại diện của UBĐT, BDT tỉnh, TCPCP và nhà tài trợ hoạt động tại một số tỉnh tham dự để thảo luận những câu hỏi sau:

- Tại sao sự tham gia ở cấp cơ sở lại quan trọng đối với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội?
- Làm thế nào để xác định được mức độ tham gia?
- Các công cụ cốt lõi nào cần được áp dụng để phát huy sự tham gia?
- Làm thế nào để theo dõi giám sát (định lượng và định tính) của sự tham gia?

Dưới đây là tóm tắt nội dung thảo luận

Tại sao sự tham gia ở cấp cơ sở lại quan trọng đối với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội?

- Phản ánh nhu cầu thực tế của người dân và yêu cầu thực tiễn của cuộc sống;
- Đạt kết quả tốt hơn;
- Phát huy được nguồn lực từ cộng đồng
- Tăng tính bền vững;
- Phát huy quy chế dân chủ;
- Tăng cường tính sở hữu;
- Giảm tiêu cực;
- Phát huy kiến thức bản địa.

Làm thế nào để xác định được mức độ tham gia?

- Căn cứ vào bối cảnh địa phương;
- Năng lực tham gia của cán bộ và cộng đồng;
- Sử dụng các công cụ đánh giá nông thôn có sự tham gia;
- Ưu tiên hóa;

Các công cụ cốt lõi nào cần được áp dụng để phát huy sự tham gia?

- Vẽ bản đồ
- Sử dụng thẻ màu;
- Động não;
- Phân tích SWOT;
- Cây vấn đề;
- Xếp hạng;
- Thảo luận nhóm, phỏng vấn và quan sát;
- Sử dụng hướng dẫn viên tốt;
- Sử dụng Trường thôn/bản, người cao tuổi.

Làm thế nào để theo dõi giám sát (định lượng và định tính) của sự tham gia?

- Tham dự viên (số lượng, thành phần, số người tham gia có đóng góp ý kiến, chất lượng của ý kiến);
- Xác định nhận thức và động lực của cộng đồng;
- Sử dụng bộ chỉ số; mẫu biểu;
- Công khai các hoạt động dự án.

Trong nội dung thảo luận, các tham dự viên được yêu cầu rà soát lại tình hình hiện tại về quan hệ đối tác giữa BDT với các TCPCP tại tỉnh của họ. Kết quả thảo luận chỉ ra rằng thông tin tại một số tỉnh về việc ai làm gì chưa được tốt. Các TCPCP không nắm rõ vai trò của BDT trong CT135, ngược lại các BDT không biết lĩnh vực nào các TCPCP đang hoạt động và có chuyên môn, dẫn đến thực tế là sự hợp tác giữa các TCPCP và BDT rất hạn chế.

Nội dung thảo luận gợi ý rằng việc chia sẻ thông tin và phối hợp giữa các BDT và các TCPCP cần được thiết lập, duy trì và phát triển trong thời gian tới. Các TCPCP với kinh nghiệm thực tiễn và tư vấn nên hỗ trợ các BDT sử dụng hiệu quả hơn nguồn lực CT135. Các TCPCP cũng có thể hỗ trợ thử nghiệm các cách tiếp cận mới để giúp người dân địa phương tiếp cận tốt hơn chương trình.

5. Kinh nghiệm thực tiễn của các TCPCP về huy động sự tham gia ở cấp cơ sở

Các TCPCP đang hoạt động rất tích cực trong việc hỗ trợ sự tham gia ở cấp cơ sở. Một số tổ chức đang thực hiện chương trình hỗ trợ lập KH PTKTXH có sự tham gia. Ví dụ, Oxfam Anh hỗ trợ lập KH PTKHXH tại tỉnh Ninh Thuận, SNV hỗ trợ tại tỉnh Thừa Thiên Huế. Phần lớn các TCPCP khác không có dự án riêng về lập KH có sự tham gia nhưng đều có nhiều hình thức dự án khác nhau để huy động người dân tham gia vào việc xây dựng kế hoạch của chính họ hoạch.

Chia sẻ từ các TCPCP có một điểm chung là để tăng cường sự tham gia của cộng đồng, trọng tâm can thiệp không chỉ là cộng đồng mà cần cả các bên liên quan. Trong đó, nâng cao năng lực cho các bên liên quan như các cán bộ lập KH là rất quan trọng để đảm bảo họ có đủ các kiến thức, kỹ năng và kỹ thuật cần thiết để huy động sự tham gia của người dân trong việc lập KH và góp ý với kiến thức bản địa của mình.

Các TCPCP mang đến hội thảo rất nhiều các bài trình bày về kinh nghiệm họ đã huy động và xây dựng năng lực cho các bên liên quan như thế nào để tăng cường sự tham gia của cấp cơ sở. Sự đa dạng, phong phú trong cách tiếp cận về cùng một vấn đề cho thấy có rất nhiều cách để tăng cường sự tham gia của cấp cơ sở phụ thuộc vào năng lực nội tại, nguồn lực, bối cảnh địa phương v.v..Chọn một hay kết hợp một số kinh nghiệm để áp dụng sau hội thảo tùy thuộc vào những người tham gia. Các kinh nghiệm chia sẻ không hẳn là những mô hình hay nhất, một số mô hình trong đó có thể không thành công bằng mô hình khác, tuy nhiên đây là cơ hội cho việc chia sẻ và học hỏi đối với một chủ đề mà mọi người cùng quan tâm.

Để giúp độc giả dễ tập trung và nắm bắt nhanh được việc các TCPCP đã giải quyết vấn đề này như thế nào, báo cáo này chỉ chọn và trình bày ba trường hợp điển hình dưới đây:

Điển hình 1: Sử dụng Câu lạc bộ phát triển cộng đồng làm nền tảng lập KH

Trong mười năm vừa qua, ActionAid Việt Nam (AAV) đã và đang phát triển sự tham gia của cộng đồng với việc áp dụng cách tiếp cận “Xóa mù chữ gắn với Phát triển cộng đồng” hay còn được biết đến với cái tên *Reflect*³. Bước phát triển nhất của nó là việc kết hợp giữa mô hình Câu lạc bộ Phát triển cộng đồng (CLBTPCĐ) với kết nối với Trung tâm học tập cộng đồng (TTHTCĐ).

Việc phát triển các TTHTCĐ được Chính phủ Việt Nam ủng hộ mạnh mẽ. Các trung tâm này đã được thể chế hóa và mỗi xã đều có một trung tâm. Đây là một hệ thống rất tiềm năng không chỉ đơn thuần cho công tác giáo dục mà còn là công cụ điều phối sự phát triển toàn diện của cộng đồng. Vấn đề là làm thế nào để tiềm năng này phát huy hiệu quả tác dụng để đáp ứng nhu cầu phát triển của cộng đồng. Theo mô hình này,... quá trình được bắt đầu bằng cách khơi dậy động lực cộng đồng về việc học tập và hành động thông qua việc thành lập và hỗ trợ hoạt

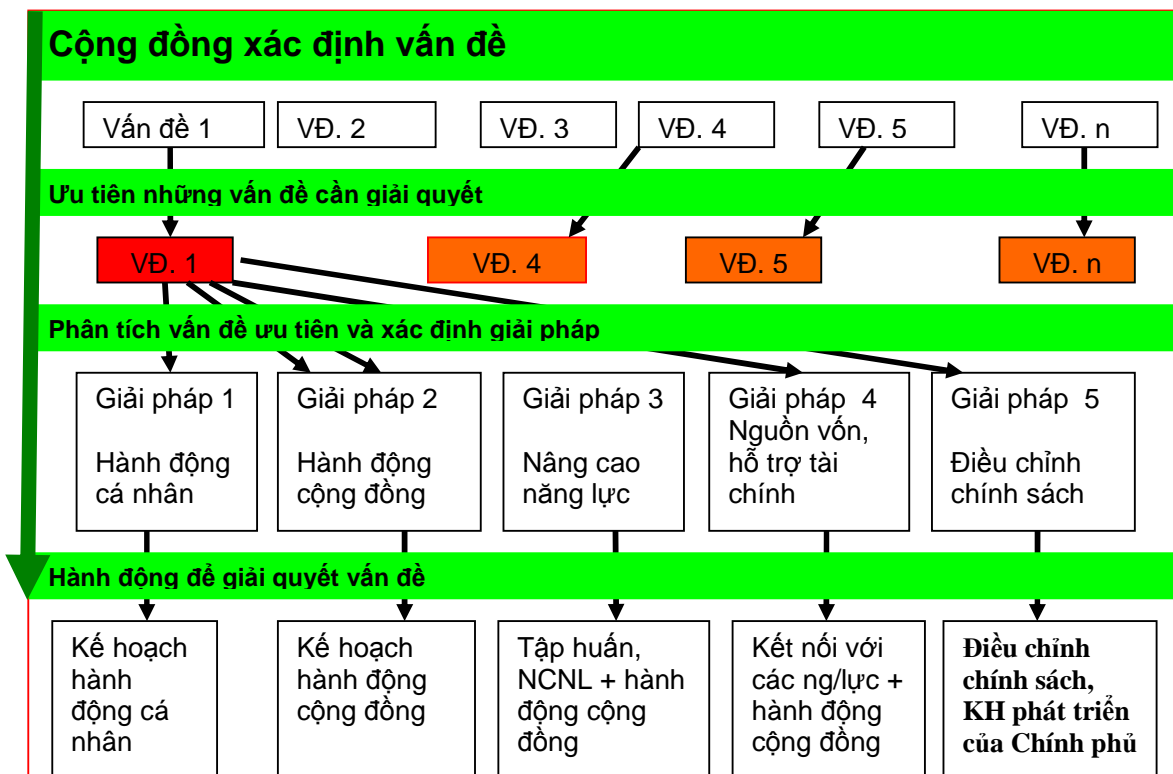
³ *Reflect* là một cách tiếp cận mang tính sáng tạo về học tập cho người lớn và tạo những thay đổi xã hội, cách tiếp cận này áp dụng lý thuyết của nhà giáo dục người Braxin Paulo Freire sử dụng các phương pháp đánh giá nông thôn có sự tham gia

động của các nhóm cộng, đây là những nhóm được thành lập tại địa phương theo mô hình CLBPTCĐ hay nhóm sở thích.

Mỗi nhóm bao gồm từ 20-25 thành viên thường xuyên đại diện của các nhóm khác nhau của cộng đồng; trong số đó khuyến khích sự tham gia của phụ nữ và người nghèo. Những nhóm này được tổ chức dựa trên sở thích một cách tự nguyện. Một hướng dẫn viên địa phương sẽ dẫn dắt hoạt động của nhóm với sự hỗ trợ của một số thành viên mở rộng từ cộng đồng tùy theo hoạt động và chủ đề thảo luận.

Hoạt động của CLBPTCĐ tuân theo chu trình xác định vấn đề, ưu tiên hóa (phân tích vấn đề để tìm ra giải pháp) – lập KH và hành động để giải quyết vấn đề. Trong chu trình này, cộng đồng tự hành động để giải quyết vấn đề mà họ xác định ra và ưu tiên các hoạt động phù hợp với năng lực nội tại của họ. Trong trường hợp cần đến hỗ trợ từ bên ngoài, họ sẽ xác định các nhu cầu về kỹ thuật/tài chính, cung cấp thông tin hoặc nâng cao năng lực để thực hiện KH. Những nhu cầu này sẽ được gửi đến các tổ chức, chính quyền địa phương phù hợp để có thể cung cấp dịch vụ, điều chỉnh sách thông qua điều phối với TTHTCĐ.

Hình 1: Minh họa về chu trình hành động của cộng đồng

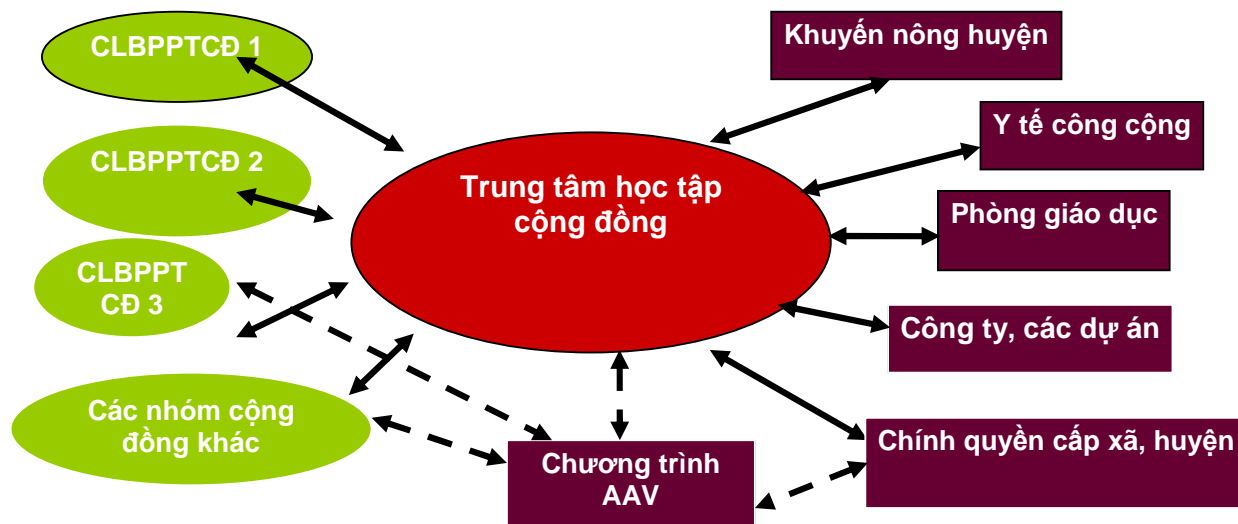


Về cơ bản, ban quản lý TTHTCĐ bao gồm đại diện của chính quyền cấp xã và các tổ chức đoàn thể địa phương có sứ mệnh điều phối các hoạt động giáo dục phi chính quy cũng như các sáng kiến phát triển ở cộng đồng. Ở mô hình này, các TTHTCĐ đóng vai trò là cơ quan liên lạc. Thành viên TTHTCĐ gặp các hướng dẫn viên của CLBPTCĐ hoặc thường xuyên thăm các CLBPTCĐ. Họ thu thập tất cả các thông tin, yêu cầu và nhu cầu của cộng đồng

Góp ý của cộng đồng sau đó sẽ được đưa vào KH hành động của TTHTCĐ, hoặc chuyển đến cán bộ của các cơ quan chuyên môn khác (như khuyến nông, y tế, phòng giáo dục hoặc các trường học...) để có hỗ trợ cho các nhóm. Trong một số trường hợp, TTHTCĐ cũng hỗ trợ CLBPTCĐ tiếp cận thị trường thông qua các công ty, nhà cung cấp dịch vụ về giống, vật tư

hoặc bán sản phẩm. Với lợi thế là phần lớn thành viên ban quản lý là đại diện của chính quyền địa phương, BQL TTHTCĐ có thể mạnh dạn mang các vấn đề hoặc nhu cầu của cộng đồng vào các thảo luận chính sách để lồng ghép những vấn đề này vào nghị sự của chính quyền địa phương để phát triển cộng đồng hoặc điều chỉnh chính sách.

Hình 2: mạng lưới CLBPTCĐ và TTHTCĐ kết nối với các tác nhân địa phương



Cho đến nay, mô hình đã được mở rộng đến 9 huyện tại các vùng hoạt động của AAV. Mô hình cũng đang được chính quyền địa phương huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh và tỉnh Hòa Bình áp dụng tại các khu vực không thuộc dự án AAV.

Diễn hình 2: Huy động sự tham gia thông qua tổ nhóm nông dân

Sử dụng các nhóm nông dân làm nền tảng lập KH là sáng kiến mà HADEVA – một TCPCP Việt Nam – đang thực hiện với sự hỗ trợ thành lập và hoạt động của Hội Đoàn kết và Hợp tác quốc tế (GRET)

Nhóm nông dân là gì?

Nhóm nông dân là một nhóm nơi mà các nông dân cùng chia sẻ mục tiêu, mối quan tâm để lập KH và tham gia tích cực vào các hoạt động để đạt mục tiêu chung trên cơ sở tự tổ chức, tự điều hành và hỗ trợ lẫn nhau.

Các bước để thành lập nhóm nông dân:

Bước 1: **Nắm bắt nhanh nhu cầu:**

Điều tra, khảo sát thực địa để nắm bắt những thuận lợi, khó khăn của từng địa phương, sau đó trao đổi, giải thích với chính quyền địa phương về tổ nhóm nông dân là gì, lợi ích của việc tham gia vào tổ nhóm của nông dân để họ hiểu rõ hơn và nhờ đó có thể hỗ trợ:

Lợi ích của việc tham gia tổ nhóm nông dân:

- Một số việc sẽ thực hiện dễ dàng khi có sức mạnh tập thể;

- Thành viên đạt được nhiều lợi ích thông qua hợp tác;
- Thuận lợi cho việc tiếp cận với các hoạt động của dự án, tổ chức;
- Đủ khả năng đề nghị sự hỗ trợ với các tổ chức, đoàn thể, khuyến nông, mua bán sản phẩm...;
- Trao đổi, chia sẻ thông tin thuận lợi giữa các nông dân;
- Thành viên hỗ trợ nhau phát triển kinh tế.

Bước 2: Họp nông dân để xác định nhu cầu

Chọn một địa điểm và thời gian phù hợp để các đối tượng có thể tham gia.

- Đặt câu hỏi về những trở ngại họ hay gặp phải và giải pháp họ thường sử dụng;
- Khuyến khích mọi người bộc lộ ý kiến đặc biệt là phụ nữ (người nghèo và phụ nữ thường xấu hổ khi nói trước đám đông, do vậy họ cần được khuyến khích để tham gia thảo luận);
- Phân tích các khó khăn liên quan đến mục tiêu của việc thành lập nhóm, sản xuất, bán sản phẩm sau đó xác định những nguyên nhân gốc rễ của nó;
- Xác định các vấn đề cần sự hợp tác của nhiều người để có thể giải quyết hiệu quả;
- Xây dựng mục tiêu và kế hoạch thành lập nhóm;
- Lên danh sách những người muốn tham gia.

Bước 3: Thông báo và trao đổi với chính quyền địa phương

- Trao đổi với chính quyền địa phương về sự cần thiết lập nhóm. Tạo môi trường pháp lý cho việc thành lập tổ nhóm;
- Trình với UBND xã: Đơn xin thành lập nhóm/tổ, danh sách các thành viên, bản quy chế dự thảo, mục tiêu và kế hoạch thành lập nhóm.

Bước 4: Hỗ trợ Ban sáng lập tổ chức hội thảo ra mắt

- Lập KH cho hội thảo ra mắt nhóm;
- Tổ chức hội thảo ra mắt nhóm nông dân

Cách thức xây dựng hoạt động

- Viết ra tất cả các hoạt động cần phải làm trong tháng/năm/vụ sắp tới;
- Xem xét sự cần thiết của các hoạt động;
- Sắp xếp các công việc cần làm theo thứ tự thời gian và tính cấp bách;
- Kết quả cần đạt được sau khi thực hiện từng hoạt động.

Bảng mẫu lập kế hoạch hoạt động

| Hoạt động | Kết quả mong đợi | Thời gian | Địa điểm | Người chịu trách nhiệm | Nguồn lực | |
|-----------|------------------|-----------|----------|------------------------|------------|--------|
| | | | | | Nhóm tự có | Hỗ trợ |
| 1 | | | | | | |
| 2 | | | | | | |
| 3 | | | | | | |

Vai trò của Hướng dẫn viên hỗ trợ nhóm

Để có những buổi thảo luận sôi nổi và có thể lập được KH, điều này phụ thuộc rất nhiều vào vai trò của người hướng dẫn viên vì họ:

- Giúp xây dựng các tổ nhóm nông dân liên kết tương trợ trên địa bàn dựa trên cơ sở tự nguyện.
- Hướng dẫn phương pháp quản lý nhóm cho BQL để có đủ năng lực điều hành nhóm hoạt động có hiệu quả và phát triển bền vững.
- Hỗ trợ nhóm tìm kiếm các thông tin cần thiết và xây dựng mối liên hệ với các tổ chức, cơ quan bên ngoài để hỗ trợ nhóm phát triển và đa dạng hóa các hoạt động.

Các yếu tố chính ảnh hưởng đến tính bền vững của nhóm

- Các thành viên trong nhóm có cùng nhiều điều quan tâm, có cùng mục tiêu, hiểu rõ mục tiêu hoạt động và tự nguyện tham gia nhóm;
- Các hoạt động của nhóm phù hợp với sự mong đợi của ND. Vì vậy, cần thiết phải phân tích kỹ nhu cầu của các thành viên ngay từ đầu để xây dựng mục tiêu cho phù hợp. Nếu mục tiêu hoạt động của nhóm phù hợp với mục tiêu của thành viên, nhóm sẽ tồn tại;
- BQL nhóm phải có năng lực điều hành, nhiệt tình, có uy tín để giải quyết các mâu thuẫn nội bộ, có khả năng quan hệ với các tổ chức bên ngoài để tìm cơ hội hợp tác cho nhóm;
- BQL các nhóm thường làm việc với tính tự nguyện, không lương, vì vậy cần phải có sự phân công rõ ràng để chia sẻ trách nhiệm và công việc với các thành viên trong nhóm;
- Nhóm cần có quỹ hoạt động;
- Nhóm cần xây dựng các hoạt động chung, nhất là các hoạt động liên kết kinh tế;
- Nhóm phải xây dựng kế hoạch hoạt động cụ thể cho từng vụ sản xuất với sự đồng ý của các thành viên và có phân công thực hiện. Cố gắng đa dạng hóa các hoạt động;
- Thành viên sinh sống gần nhau;
- Được chính quyền địa phương công nhận.

Quản lý nhóm

Trước buổi họp nhóm

- Cán bộ hỗ trợ nhóm làm việc với BQL nhóm trước khi họp nhóm;
- Thảo luận với BQL nhóm về các hoạt động đã thực hiện trong tháng qua so với kế hoạch tháng trước;
- Hỏi BQL những vấn đề nào cần giải quyết, nguyên nhân của các vấn đề này;
- Thảo luận những nội dung cần thảo luận khi họp nhóm với BQL và ghi ra giấy;
- Phân công các thành viên.

Trong buổi họp nhóm:

- Nhóm trưởng điều hành cuộc họp.
- Cán bộ hỗ trợ có thể can thiệp khi nhóm trưởng lúng túng hoặc cung cấp thêm thông tin để giúp nhóm chọn giải pháp phù hợp.
- Giúp nhóm tóm tắt kết quả thảo luận để nhất trí giữa các thành viên (nếu nhóm trưởng chưa đủ kỹ năng này).

Sau buổi họp nhóm:

- Hợp với BQL để cùng góp ý kiến rút kinh nghiệm cho các buổi họp sau (việc làm này rất cần cho các nhóm mới được thành lập, khi BQL chưa quen việc điều hành nhóm), đây là hình thức đào tạo giúp nâng cao năng lực BQL nhóm bằng thực hành.
- Kiểm tra, theo dõi các thành viên của nhóm khi họ thực hiện các hoạt động.

Điển hình 3: Xóa nghèo do cộng đồng quản lý tại tỉnh Khánh Hòa

Dự án y tế và sinh kế do cộng đồng quản lý là một chương trình được phối hợp thực hiện bởi MCNV, Ucodep và các đối tác địa phương. Mục tiêu của chương trình là nhằm xóa nghèo cho cộng đồng dân tộc thiểu số tại huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh hòa

Cách tiếp cận và nguyên tắc

- Chương trình không cung cấp một KH sẵn có mà để cộng đồng tự quyết định, thực hiện và quản lý;
- Đảm bảo sự tham gia của các nhóm yếu thế (như người nghèo nhất, phụ nữ, trẻ em người khuyết tật);
- Các phương pháp đnah giá nông thôn có sự tham gia là công cụ chủ yếu được áp dụng cho việc phân tích tình hình, lựa chọn ưu tiên và đưa ra các định hướng cho KH phát triển;
- Quan hệ đối tác chặt chẽ với chính quyền địa phương và các cơ quan cung cấp dịch vụ;
- Nâng cao năng lực được thực hiện ở tất cả các cấp với hỗ trợ cụ thể, thực tế;
- Cung cấp các nghiên cứu, tư vấn hoặc tập huấn để hỗ trợ các hoạt động phát triển được cộng đồng ưu tiên;
- Cân nhắc yếu tố bền vững, nhận thức giới, sử dụng các phương pháp về nhân chủng học để hướng dẫn và giám sát sự tham gia trong các bối cảnh văn hóa khác nhau.

Các loại kế hoạch

KH được chia thành các dạng khác nhau từ KH cá nhân đến KH cấp thôn/bản và KH cấp huyện

| | |
|--|---|
| KH phát triển cá nhân | <i>Hỗ trợ những hộ nghèo nhất với mức hỗ trợ một lần là 5 triệu đồng</i> |
| KH phát triển của Nhóm sở thích | <i>Gắn kết với hệ thống tín dụng vi mô do dân làng quản lý</i> |
| KH phát triển thôn | |
| KH cấp Chương trình/Huyện | <i>Bao gồm việc xây dựng hệ thống thủy lợi, khắc phục suy dinh dưỡng trẻ em, giáo dục cho trẻ em khuyết tật và sinh kế thay thế</i> |

Cấu trúc, cách tiếp cận và các mô hình:

- Ban Phát triển thôn bảo gồm 3-4 người được bầu tại cuộc họp của thôn: 1 Trưởng ban, Cán bộ khuyến nông thôn, cán bộ theo dõi tín dụng vi mô và cán bộ y tế thôn. Ban này là là một nhóm cơ bản ở cấp cơ sở để điều phối việc sử dụng các nguồn lực trong thôn của họ. Cách tiếp cận của chương trình đã được UBND huyện thể chế hóa với tên gọi “Mô hình phát triển thôn” mới. Mô hình này hy vọng sẽ được UBND tỉnh Khánh Hòa áp dụng với hy vọng là nếu các Ban phát triển thôn hoạt động tốt sẽ góp tiếng nói vào việc quyết định sử dụng ngân sách phát triển kinh tế của thôn. . Việc chọn hộ tham gia KH phát triển cá nhân do cộng đồng thực hiện trong cuộc họp thôn.

- Các nhóm sở thích (từ 5 – 10 hộ gia đình) sẽ được xem xét cung cấp vốn vay với lãi suất thấp nếu họ chuẩn bị được KH sản xuất tốt. Thành viên có trách nhiệm trả nợ chung. Số tiền hoàn trả không được đưa vào chương trình mà sẽ được đưa vào “Quỹ tín dụng thôn”.
- Người dân thôn tự quyết định về nhu cầu tập huấn nông nghiệp, đánh giá tập huấn viên và quản lý ngân sách tập huấn. Một mạng lưới mới bao gồm các cán bộ khuyến nông thôn đã được tạo ra, mạng lưới này được tập huấn kỹ thuật về nông nghiệp và tham gia vào phát triển các tài liệu truyền thông để truyền tải kiến thức nông nghiệp và chăn nuôi đến cho người dân.
- Hệ thống cung cấp nước sạch được cung cấp tới tận hộ gia đình trả tiền sử dụng nước. Số tiền thu được dùng cho việc quản lý và bảo trì hệ thống nước xã hoặc liên xã.
- Bảng theo dõi tình hình phát triển thôn được niêm yết công khai – tại bảng này người dân theo dõi tiến bộ các hoạt động phát triển của chính họ, bảng này sử dụng thông tin từ các quỹ tín dụng thôn, thông tin giá cả thị trường, kết quả hoặc các quyết định của các cuộc họp thôn .

| Phân loại hộ | | Mục tiêu phát triển chính của thôn | | Hộ khó khăn | | | |
|----------------------|--------------|--|-----------------------------|--|------------------|-----------|---------------|
| Khá + giàu | 7/2006 13 | 5/2008 24 | 1. Giảm nghèo | Kết quả | Hộ KKN đã hộ | | |
| Trung bình | 24 | 14 | 2. Nước sạch | 5/6 | Số hộ cải thiện | | |
| Nghèo | 28 | 25 | 3. Giảm SDD | Chưa có | Số hộ chưa cải | | |
| Trong đó KKN | 15 KKN | 4 KKN | 4. | | Số hộ tái nghèo | | |
| Tổng số hộ | 62 | 64 | 5. | | | | |
| - Nhóm hỗ trợ thôn : | | Kế hoạch thôn : đến tháng / 2008 | | Tình hình sản xuất : năm 2008 | | | |
| + Y NÊN | | Hoạt động | Quản lý | Kết quả | Sản phẩm | Hộ (hàng) | Số lượng (kg) |
| + Y NGỌC | | 1. Bò đực giống | Y Ngọc | Lần hồi / ... bé | 1. Múc | 62/64 | 7400kg |
| - Khuyến nông viên : | | 2 | | | 2. Bắp | 11/12 | 15500kg |
| + Y NÊN | | 3 | Mẫu Chảo 10 | phôi / ra bé | 3. Lúa nước | 40 | 10000kg |
| + Y NÊN | | 4 | Bình xịt cỏ | Y Ngọc : Các hộ nuôi lợn Số dùng 25 hộ | 4. Đậu | | |
| + Y NÊN | | 5 | | Y Ngọc : Các hộ nuôi lợn Số dùng 31 hộ | 5. Đậu xanh | | |
| - Tín dụng thôn : | | 6 | 2 (5) - vốn Cây + giống Cây | năm 2008, chưa giải ngân | 6. Trưa Rái chột | | |
| + Y NÊN | | 7 | | | 7 | | |

Bảng theo dõi tình hình phát triển thôn cung cấp các số liệu chủ yếu về nghèo đói, kế hoạch và tiến độ thực hiện

Bài học kinh nghiệm:

- Thiết kế tổng hợp và linh hoạt mang đến tự tự chủ cho đối tác để tìm ra các hoạt động và cấu trúc phù hợp nhất. Áp dụng nguyên tắc học tập “thử và sai”, phân tích chân thực các thất bại, sửa KH để thực hiện tốt hơn.
- Chọn thôn là cấp cơ sở cho việc phát triển năng lực và quản lý các KH phát triển địa phương do đồng bào dân tộc thiểu số tiếp cận dễ dàng với cấp thôn hơn là cấp xã.
- Chương trình không thực hiện việc lập KH PTKTXH có sự tham gia nhưng đã lôi kéo sự tham gia của người dân trong tất cả hoạt động của chương trình từ khi bắt đầu, thực hiện, giám sát, đánh giá và điều chỉnh; nâng cao năng lực và cung cấp các nguồn lực để người dân có thể thực hiện được điều đó.

- Giám sát, hỗ trợ và đặc biệt là tổ chức các đánh giá độc lập từ bên ngoài cần được thực hiện thường xuyên. Những hoạt động này cần được thực hiện trên tinh thần xây dựng hơn là “thanh tra”. Các sáng kiến mang tính sáng tạo xuất phát từ địa phương cần được biểu dương thay vì xử phạt kể cả trong trường hợp không đạt mục tiêu.
- Một số tiềm năng phát triển địa phương (như phân bổ đất hoặc trách nhiệm xã hội của các công ty khai thác lâm sản) vẫn ngoài tầm với của chương trình.

6. Kết luận và kiến nghị

Chia sẻ từ UBND thể hiện rõ quyết tâm trong việc thúc đẩy sự tham gia của cộng đồng ở cấp cơ sở. Quyết tâm đó đã được cụ thể hóa thành thể chế, chính sách và các biện pháp thực tiễn trong CT135. Tuy nhiên chất lượng sự tham gia và phân quyền vẫn còn cần tiếp tục được cải thiện.

Các nội dung thảo luận và trình bày tại hội thảo thể hiện kinh nghiệm và bài học phong phú của các TCPCP hoạt động tại khu vực có đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống. Các TCPCP đã thể hiện sự hiểu biết sâu sắc và thuận thực trong việc sử dụng các công cụ và kỹ thuật để huy động sự tham gia ở cấp cơ sở. Rất tiếc những kinh nghiệm này chưa được chia sẻ đầy đủ với UBND và BDT. Sự trao đổi và hợp tác giữa UBND/BDT với TCPCP vẫn còn rất hạn chế.

Với việc tham gia hội thảo, hai bên đã có hiểu biết tốt hơn về nhau và quan trọng hơn đã phát hiện ra những giá trị gia tăng của mỗi bên. UBND đại diện cho các BDT tỉnh và TCPCP do Nhóm Công tác về Dân tộc thiểu số đã xây dựng kế hoạch hành động để cùng thực hiện trong thời gian tới.

UBND nói chung, BDT nói riêng đã tái khẳng định ưu tiên của họ cho việc thúc đẩy sự tham gia và nâng cao năng lực cho cán bộ và người dân địa phương để họ thực hiện CT135 nhanh hơn và hiệu quả hơn.

Một số kết luận quan trọng của hội thảo cần được triển khai trong thời gian tới:

- Cần thiết lập một hệ thống và cơ chế chia sẻ thông tin giữa UBND và các TCPCP do EMWG đại diện. Ở cấp trung ương, EMWG sẽ tiếp tục đóng vai trò điều phối các đối thoại giữa các TCPCP với UBND; Hai bên sẽ tìm kiếm các cơ hội để tăng cường sự hợp tác và phối hợp với nhau, đặc biệt khi hai bên triển khai các dự án hoặc có thể sử dụng CT135 làm cơ sở đầu tiên.
- Ở cấp tỉnh, cải thiện và phát triển cơ chế chia sẻ thông tin, đối thoại và hợp tác giữa BDT và các TCPCP tại một số tỉnh đã lựa chọn bằng việc tổ chức các cuộc họp giao ban định kỳ, tham quan trao đổi, chia sẻ và cùng làm việc. Hai bên có thể phối hợp xây dựng một số mô hình mẫu về xây dựng năng lực lập kế hoạch PTKT-XH có sự tham gia của người dân/cộng đồng để có thể học hỏi, rút kinh nghiệm và nhân rộng. Ngoài ra, các TCPCP có thể hỗ trợ BDT tổ chức các khóa tập huấn cho cán bộ về phá triển cộng đồng, công cụ và kỹ thuật đánh giá nông thôn có sự tham gia hoặc có thể hỗ trợ BDT thiết kế một số hợp phần của CT135 để làm sao thuận lợi cho sự tham gia của cấp cơ sở.
- Tài liệu hóa các bài học tốt trong quản lý CT135 và lập KH có sự tham gia và chia sẻ rộng rãi những bài học này thông qua các cuộc họp của nhóm hoặc thông qua UBND và BDT.

7. Phụ lục

Danh sách đại biểu

| STT | Họ tên | Cơ quan | Chức danh |
|-----|---------------------|-----------------------------------|-------------------|
| 1. | Trịnh Công Khanh | Vụ hợp tác quốc tế - CEMA | Vụ trưởng |
| 2. | Vũ Tuyết Nga | Vụ hợp tác quốc tế - CEMA | Chuyên viên chính |
| 3. | Nguyễn Văn Xuân | Vụ chính sách dân thiểu số - CEMA | Phó vụ trưởng |
| 4. | Triệu Hồng Sơn | Vụ địa phương 1 – CEMA | Quyền vụ trưởng |
| 5. | Nguyễn Thị Hà | Vụ Bảo trợ xã hội – MOLISA | Chuyên viên chính |
| 6. | Nguyễn Thành Công | Vụ địa phương – GO | Chuyên viên chính |
| 7. | Vũ Hoài Minh | Dự án Sẻ - MPI | Phó giám đốc |
| 8. | Vũ Quỳnh Phương | Vụ hợp tác quốc tế - CEMA | Chuyên viên chính |
| 9. | Nguyễn Thành Vinh | Trường đào tạo cán bộ DTTS - CEMA | Phó giám đốc |
| 10. | Đỗ Xuân Bình | DEMA Bắc Giang | Trưởng ban |
| 11. | Phạm Văn Phương | DEMA Thanh Hoá | Trưởng ban |
| 12. | Chu Thuý Ngà | Báo dân tộc thiểu số | Phóng viên |
| 13. | Đào Thị Minh Châu | Hội phụ nữ Việt Nam | Chuyên viên chính |
| 14. | Nguyễn Văn Cường | Vụ địa phương | Phó vụ trưởng |
| 15. | Trương Ngọc Phúc | DEMA Bình Thuận | Phó Trưởng ban |
| 16. | Cao Phai | DEMA Ninh Thuận | Trưởng ban |
| 17. | Trần Văn Lực | DEMA Ninh Thuận | Phó Trưởng ban |
| 18. | Lê Văn Minh | DEMA Thừa Thiên Huế | Trưởng ban |
| 19. | Nguyễn Tri Hùng | DEMA Quảng Nam | Phó Trưởng ban |
| 20. | Ma Ly Phước | DEMA Bình Phước | Phó Trưởng ban |
| 21. | Nguyễn Thị Bạch Vân | DEMA Bình Phước | |
| 22. | Đỗ Huy Sâm | DEMA Hòa Bình | Chuyên viên |
| 23. | Nguyễn Anh Đức | Sở KH&ĐT Hòa Bình | Chuyên viên |

| STT | Họ tên | Cơ quan | Chức danh |
|-----|---------------------|--|------------------------------------|
| 24. | Nguyễn Văn Danh | Hoà Bình Phòng TC&KH huyện Lương Sơn – Hòa Bình | Chuyên viên |
| 25. | Nguyễn Đức Thiện | SNV – Chương trình quản trị nhà nước Văn phòng Bắc Miền trung | Cố vấn cấp cao |
| 26. | Nguyễn Quốc Tiến | Plan Quốc tế – Chương trình giảm nghèo | Quản lý dự án |
| 27. | Bùi Tuấn Nhã | Plan Quốc tế – Chương trình giảm nghèo | Cán bộ Chương trình |
| 28. | Đào Minh Châu | Cơ quan hợp tác Thụy Sĩ – Văn phòng hợp tác tiểu vùng sông Mê Kông | Cán bộ Chương trình cấp cao |
| 29. | Bùi Thị Kim | Trung tâm vì sự phát triển của phụ nữ và trẻ em | Giám đốc |
| 30. | Phan Thị Hoài | Trung tâm Phát triển cộng đồng Quảng Bình | Giám đốc |
| 31. | Lê Văn Hải | Dự án hỗ trợ mô hình cộng đồng quản lý Hòa Bình | Quản lý dự án |
| 32. | Lã Thị Thuỷ | Trung tâm hữu nghị cộng đồng – Nam định | Giám đốc |
| 33. | Vũ Thị Hiền | Trung tâm nghiên cứu và phát triển khu vực miền núi | Giám đốc |
| 34. | Lương Thị Trường | Trung tâm vì sự phát triển bền vững cho khu vực miền núi | Giám đốc |
| 35. | Nguyễn Mai Chi | Oxfam Hong Kông | Trợ lý chương trình |
| 36. | Mark Blackett | Oxfam Hong Kông | Trưởng đại diện |
| 37. | Nguyễn Thị Thuý Nga | Malterser International – Dự án Mint tại Việt Nam | Đại diện |
| 38. | Mai Thị Dung | Malterser International | Cán bộ |
| 39. | Nguyễn Công Thành | UBND huyện Tây Giang - Quảng Nam | Quản lý dự án |
| 40. | Nguyễn Huy Thông | UBND huyện Tây Giang - Quảng Nam | Phó ban Quản lý dự án |
| 41. | Võ Thị Tâm | Dự án phát triển nông thôn Quảng Trị | Cán bộ phụ trách nâng cao năng lực |
| 42. | Ngô Quốc Dũng | CWS Hà Nội | Quản lý Chương trình |
| 43. | Nguyễn Văn Khải | CWS Hà Nội | Cán bộ |
| 44. | Chu Văn Sáu | GRET – HTX Phát triển nông thôn Quan Hoa – Thanh Hoá | Chủ nhiệm |
| 45. | Nguyễn Thị Thuyết | HADEVA Vĩnh Phúc | Cán bộ |
| 46. | Nguyễn Tiến Phong | ActionAid Việt Nam | Trưởng Chương trình Phía Nam |
| 47. | Roeland Pieter | MCNV | Quản lý Chương trình |

| STT | Họ tên | Cơ quan | Chức danh |
|-----|---------------------|--|-----------------------------|
| | Marchand | | |
| 48. | Lê Phán | Trung tâm y tế Khánh Vĩnh – Khánh Hoà | Giám đốc |
| 49. | Hồ Thị Thanh Hoà | MCNV | Trợ lý chương trình |
| 50. | Nguyễn Công Tráng | Oxfam Anh | Cán bộ Chương trình |
| 51. | Trần Văn Cường | CSEED | Cán bộ dự án |
| 52. | July Ambruster | Oxfam Quebec | Cố vấn quản lý Chương trình |
| 53. | Peter Chaudhry | Dự án VIE 02/001 Hỗ trợ Chương trình MTQG – Giảm nghèo, UNDP | Cố vấn cấp cao |
| 54. | Bjorn Jensen | ADDA Việt Nam | Trưởng đại diện |
| 55. | Nguyễn Thị Thu Hằng | ADDA Việt Nam | Cán bộ |
| 56. | Đỗ Trường Sơn | Enfant et Developpment | Chủ tịch huyện |
| 57. | Ngô Huy Liêm | Tư vấn điều phối hội thảo | Tư vấn |
| 58. | Michael Heyn | Tư vấn tự do | Tư vấn |
| 59. | Lê Văn Sơn | Care International | Quản lý dự án |
| 60. | Vương Thái Nga | Oxfam Anh | Cán bộ Chương trình |
| 61. | Đặng Bảo Nguyệt | EMWG | Điều phối viên |
| 62. | Nguyễn Thị Thanh Hà | Oxfam Hong Kông | Cán bộ Chương trình |
| 63. | Dương Thị Việt Anh | ActionAid Việt Nam | Cán bộ Chương trình |
| 64. | Nguyễn Quang Thương | Viện nghiên cứu kinh tế, xã hội và môi trường | Nghiên cứu viên chính |

Kế hoạch hợp tác giữa Ban dân tộc tỉnh với các Tổ chức Phi chính phủ

| Hoạt động | Thời gian | Người chịu trách nhiệm |
|---|-----------|---|
| Tỉnh Lào Cai | | |
| Đánh giá khả năng hợp tác trong việc hỗ trợ tư vấn kỹ thuật thực hiện chương trình Trồng rừng 147 của chính phủ. | 3-6/09 | Anh Sơn - UBND huyện Simacai Anh Tráng - Oxfam Anh |
| <ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu phát triển ngành Tre - Hỗ trợ thành lập Trung tâm tư vấn dịch vụ Nông lâm nghiệp tổng hợp. | - 4-7/09 | Anh Sơn - UBND huyện Simacai Chị Thuyết - P.chủ nhiệm HTX Hạ Hòa |
| Tỉnh Hòa Bình | | |
| <ul style="list-style-type: none"> - Mời tham dự hội thảo giới thiệu dự án - Chia sẻ/cung cấp thông tin đặc điểm địa bàn - Chia sẻ kinh nghiệm triển khai/các dự án hợp tác với nước ngoài - Kinh nghiệm làm việc với những nhóm dân tộc thiểu số - Kinh nghiệm quản lý/triển khai các mô hình của các NGOs - Mời ban dân tộc tham gia các khóa tập huấn nâng cao năng lực, viết đề xuất dự án - DWC muốn tìm hiểu những dự án/chương trình mà ban dân tộc và sở KH đầu tư đang quản lý để tìm ra những cơ hội hợp tác lâu dài - DWC Hỗ trợ về kỹ thuật /hướng dẫn viết đề xuất dự án, kêu gọi đầu tư | | DWC |
| <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu về tổ chức CSEED: địa bàn hoạt động, tầm nhìn, sứ mệnh, chiến lược - Tìm hiểu về các hoạt động của UB dân tộc: - Trao đổi các hoạt động hỗ trợ cụ thể lẫn nhau - CSEED mời ban dân tộc tham gia các hội thảo/tập huấn thăm quan các hoạt động trên địa bàn Hòa Bình | 3/09 | CSEED |
| <ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ các nhóm của ADDA tại các xã 135 tiếp cận nguồn vốn - Ban dân tộc triển khai dự án sẽ ưu tiên nhóm Cán bộ thúc đẩy của ADDA để hỗ trợ hình thành nên nhóm mới - Tập huấn, đào tạo cho đối tượng là các nhóm của ADDA - ADDA sẽ xúc tiến làm việc với Ban Dân tộc Lai | | ADDA |

| Hoạt động | Thời gian | Người chịu trách nhiệm |
|---|-----------|--|
| Châu về kế hoạch hợp tác. | | |
| <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng ngân sách 135 để tập huấn nâng cao năng lực cho các nhóm cộng đồng (chủ yếu là hộ nghèo) do ActionAid đã hỗ trợ thành lập - Hỗ trợ các nhóm các nhóm cộng đồng tiếp cận nguồn lực để thực hiện các kế hoạch phát triển của mình | | ActionAid |
| Tỉnh Bắc Giang | | |
| <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng năng lực cho cộng đồng để sử dụng có hiệu quả nguồn lực 135: - Xây dựng năng lực cho lãnh đạo xã và thôn - Thành lập cơ chế tăng cường sự tham gia, tự điều hành và tiếp cận của người dân đối với các chính sách | | CERDA và CSDM |
| Tỉnh Thanh Hóa | | |
| Lập kế hoạch về cơ sở hạ tầng | | Oxfam GB- Hỗ trợ kinh nghiệm đầu thầu SNV, Plan, MCNV và CARE: hỗ trợ lập kế hoạch có sự tham gia |
| Xây dựng năng lực cho lãnh đạo và cán bộ nòng cốt của thôn | | GRET: tập huấn về chuỗi giá trị CARE/CRD: cung cấp dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật |
| Giám sát của cộng đồng | | MCNV hỗ trợ tập huấn theo dõi, giám sát SNV tổ chức diễn đàn chia sẻ kinh nghiệm |
| Chia sẻ thông tin | | CARE, Plan, MCNV |
| Tỉnh Thừa Thiên Huế | | |
| Xây dựng kỹ năng, phương pháp chiến lược đào tạo CT 135 | 5-9/09 | Ban DT tỉnh SNV |
| Hỗ trợ đào tạo tin học báo cáo CT 135 | 4/09 | SNV |
| Phối hợp tổ chức diễn đàn trao đổi thông tin | 4/09 | SNV |